

Đơn vị:

Mẫu A1

BÁO CÁO SÔ LIỆU HOẠT ĐỘNG KHÁM CHỮA BỆNH TUẦN NĂM

- (*) Đơn vị thực hiện: **Các BVĐK, BVCK và TTYT cấp huyện; Các bệnh viện ngoài công lập.**
- (*) Chốt số liệu: **Từ Thứ 4 của tuần trước liền kề đến hết Thứ 3 của tuần báo cáo;**
- (*) Thời hạn gửi báo cáo: **Trước 11h00 ngày thứ 4 hàng tuần**

TT	Chỉ số hoạt động	ĐVT	Thực hiện trong tuần	Ghi chú
1	Số lượt người khám bệnh	Lượt		
1.1	<i>Trong đó: - Có thẻ BHYT</i>	"		
1.2	<i>- YHCT hoặc YHCT kết hợp YHHĐ</i>	"		
1.3	<i>- Trẻ ≤ 15 tuổi</i>	"		
1.4	<i>- Người ≥ 60 tuổi</i>	"		
2	Số lượt BN khám bệnh phải chuyển tuyến	Lượt		
2.1	<i>Trong đó: Chuyển đi ngoài tỉnh</i>			
2.2	<i>Chuyển đi tuyến trên (trong tỉnh)</i>	"		
3	Số lượt bệnh nhân điều trị nội trú	Lượt		
3.1	<i>Trong đó: - Có thẻ BHYT</i>	"		
3.2	<i>- YHCT hoặc YHCT kết hợp YHHĐ</i>	"		
3.3	<i>- Trẻ ≤ 15 tuổi</i>	"		
3.4	<i>- Người ≥ 60 tuổi</i>	"		
4	Số lượt bệnh nhân nội trú chuyển tuyến	Lượt		
4.1	<i>Trong đó: Chuyển đi ngoài tỉnh</i>			
4.2	<i>Chuyển đi tuyến trên (trong tỉnh)</i>	"		
5	Tổng số ngày điều trị của bệnh nhân nội trú	Ngày		
6	Số lượt bệnh nhân điều trị ngoại trú	Lượt		
	<i>Trong đó: Có bệnh án ngoại trú</i>	"		
7	Tổng số ngày điều trị bệnh nhân ngoại trú	Ngày		
	<i>Trong đó: Có bệnh án ngoại trú</i>	"		
8	Tổng số xét nghiệm các loại	Lượt		
	<i>Trong đó: Cho bệnh nhân điều trị nội trú</i>	Lượt		
9	Tổng số chiếu, chụp X-quang	Lượt		
	<i>Trong đó: Cho bệnh nhân điều trị nội trú</i>	Lượt		
10	Tổng số chụp MRI/ CT-Scanner	Lượt		
	<i>Trong đó: Cho bệnh nhân điều trị nội trú</i>	Lượt		
11	Tổng số siêu âm	Lượt		
	<i>Trong đó: Cho bệnh nhân điều trị nội trú</i>	Lượt		
12	Tổng số điện tim, điện não	Lượt		
	<i>Trong đó: Cho bệnh nhân điều trị nội trú</i>	Lượt		

Thủ trưởng đơn vị

Ngày tháng năm 20...
Người tổng hợp/báo cáo

BÁO CÁO KẾT QUẢ GIÁM SÁT DỊCH TUẦNNĂM.(*) Đơn vị thực hiện: **Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh**(*) Chốt số liệu: **Từ Thứ 4 của tuần trước liền kề đến hết Thứ 3 của tuần báo cáo**(*) Thời hạn gửi báo cáo: **Trước 11h00 ngày thứ 4 hàng tuần**

TT	Huyện		Sốt xuất huyết		T - C - M		Sốt rét		COVID-19		 (**)	
		(*)	M	C	M	C	M	C	M	C	M	C
1	Qui Nhon	a										
		b										
2	Tuy Phước	a										
		b										
3	An Nhon	a										
		b										
4	Phù Cát	a										
		b										
5	Phù Mỹ	a										
		b										
6	Hoài Nhon	a										
		b										
7	Hoài Ân	a										
		b										
8	Trông Sơn	a										
		b										
9	Vân Canh	a										
		b										
10	An Lão	a										
		b										
11	Vĩnh Thạnh	a										
		b										
Toàn tỉnh		a										
		b										

(*) : a là số mắc tuần này; b là số mắc cộng dồn. Mốc BC tuần tính từ ngày thứ 2 đến chủ nhật.

(**) Trong trường hợp có phát sinh bệnh dịch, yêu cầu bổ sung thêm các cột bệnh phù hợp.

Ngày tháng năm 20...

Thủ trưởng đơn vị

Người tổng hợp/báo cáo

BÁO CÁO SÔ LIỆU HOẠT ĐỘNG KHÁM CHỮA BỆNH THÁNG NĂM

- (*) Đơn vị thực hiện: **BVĐK tỉnh, BVĐKKV Bồng Sơn; BV Y học cổ truyền và PHCN;**
Các bệnh viện ngoài công lập
 (*) Chốt số liệu: **Từ ngày 15 tháng trước liền kề đến hết ngày 14 của tháng báo cáo**
 (*) Thời hạn gửi BC: **chậm nhất ngày 17 của tháng báo cáo**

<i>TT</i>	<i>Chỉ số hoạt động</i>	<i>ĐVT</i>	<i>Thực hiện trong kỳ</i>	<i>Lũy kế từ đầu năm</i>	<i>Lũy kế cùng kỳ năm trước</i>
1	Số lượt người khám bệnh	Lượt			
1.1	Trong đó: - Có thể BHYT	"			
1.2	- YHCT hoặc YHCT kết hợp YHHĐ	"			
1.3	- Trẻ ≤ 15 tuổi	"			
1.4	- Người ≥ 60 tuổi	"			
2	Số lượt BN khám bệnh phải chuyển tuyến	Lượt			
2.1	Trong đó: Chuyển đi ngoài tỉnh				
2.2	Chuyển đi tuyến trên (trong tỉnh)	"			
3	Số lượt bệnh nhân điều trị nội trú	Lượt			
3.1	Trong đó: - Có thể BHYT	"			
3.2	- YHCT hoặc YHCT kết hợp YHHĐ	"			
3.3	- Trẻ ≤ 15 tuổi	"			
3.4	- Người ≥ 60 tuổi	"			
4	Số lượt bệnh nhân nội trú chuyển tuyến	Lượt			
4.1	Trong đó: Chuyển đi ngoài tỉnh				
4.2	Chuyển đi tuyến trên (trong tỉnh)	"			
5	Tổng số ngày điều trị của bệnh nhân nội trú	Ngày			
6	Số lượt bệnh nhân điều trị nội trú ra viện	Lượt			
6.1	Số điều trị khỏi	"			
6.2	Số điều trị đỡ / giảm	"			
6.3	Số điều trị không thay đổi	"			
6.4	Số điều trị bị nặng hơn	"			
6.5	Số tử vong	"			
6.6	Tr.đó, Tử vong trong 24 giờ đầu nhập viện	"			
7	Số lượt bệnh nhân điều trị ngoại trú	Lượt			
	Trong đó: Có bệnh án ngoại trú	"			
8	Tổng số ngày điều trị bệnh nhân ngoại trú	Ngày			
	Trong đó: Có bệnh án ngoại trú	"			
9	Tổng số xét nghiệm các loại	Lượt			
	Trong đó: Cho bệnh nhân điều trị nội trú	Lượt			
10	Tổng số chiếu, chụp X-quang	Lượt			
	Trong đó: Cho bệnh nhân điều trị nội trú	Lượt			
11	Tổng số chụp MRI/ CT-Scanner	Lượt			
	Trong đó: Cho bệnh nhân điều trị nội trú	Lượt			
12	Tổng số siêu âm	Lượt			
	Trong đó: Cho bệnh nhân điều trị nội trú	Lượt			
13	Tổng số điện tim, điện não	Lượt			
	Trong đó: Cho bệnh nhân điều trị nội trú	Lượt			

14	10 bệnh có số lượt người mắc nhiều nhất trong tổng số bệnh nhân điều trị nội trú	Mã ICD			
14.1					
14.2					
14.3					
14.4					
14.5					
14.6					
14.7					
14.8					
14.9					
14.10					
15	Nguyên nhân chính gây tử vong của bệnh nhân điều trị nội trú	Mã ICD			
15.1					
15.2					
15.3					
15.4					
15.5					
16	Tổng số tiền ghi thu sự nghiệp y tế	1000đ			
16.1	Ghi thu từ Ngân sách cấp	"			
16.2	Ghi thu DVYT từ Bảo hiểm y tế	"			
16.3	Ghi thu DVYT từ Viện phí trực tiếp	"			
16.4	Ghi thu từ các nguồn khác				
17	Tổng số tiền ghi chi sự nghiệp y tế	1000đ			
18	Chênh lệch Thu-Chi sự nghiệp y tế (16 - 17)	1000đ			
19	Tổng giá trị thuốc đã sử dụng	1000đ			
20	Tổng giá trị vắc xin, sinh phẩm, hóa chất, vật tư y tế tiêu hao đã sử dụng	1000đ			
21	Các hoạt động truyền thông, tư vấn; tập huấn, đào tạo liên tục do đơn vị tổ chức				
21.1	Số lần tổ chức truyền thông tư vấn	Lần			
	Số lượt người được truyền thông, tư vấn	Lượt			
21.2	Số lớp tập huấn, đào tạo liên tục	Lớp			
	Chuyên đề...(liệt kê từng chuyên đề)	Lớp			
	Số lượng học viên (theo từng chuyên đề)	Người			
22	Hoạt động phòng, chống bệnh Phong (ÁP DỤNG RIÊNG CHO BVĐK TỈNH)				
22.1	Số lượt khám, điều tra phát hiện bệnh Phong toàn tỉnh	Lượt			
22.2	Số bệnh nhân phong mới phát hiện	Người			
22.3	Số bệnh nhân phong đa hóa trị liệu	Người			
22.4	Số bệnh nhân phong được quản lý, theo dõi, chăm sóc tàn tật	Người			

Thủ trưởng đơn vị

Ngày tháng năm 20...
Người tổng hợp/báo cáo

BÁO CÁO SƠ LIỆU HOẠT ĐỘNG KHÁM CHỮA BỆNH THÁNG NĂM

- (*) Đơn vị thực hiện: **Trung tâm y tế các huyện, thị xã, thành phố**
 (*) Chốt số liệu: **Từ ngày 15 tháng trước liền kề đến hết ngày 14 của tháng báo cáo**
 (*) Thời hạn gửi BC: **chậm nhất ngày 17 của tháng báo cáo**

TT	Chỉ số hoạt động	ĐVT	Thực hiện trong kỳ	Lũy kế từ đầu năm	Lũy kế cùng kỳ năm trước
1	Tổng số khám bệnh (tính cả TTYT và Trạm Y tế)	Lượt			
1.1	<i>Trong đó: - Có thể BHYT</i>	"			
1.2	<i>- YHCT hoặc YHCT kết hợp YHHĐ</i>	"			
1.3	<i>- Trẻ ≤ 15 tuổi</i>	"			
1.4	<i>- Người ≥ 60 tuổi</i>	"			
2	Số lượt BN khám bệnh phải chuyển tuyến	Lượt			
2.1	<i>Trong đó: Chuyển đi ngoài tỉnh</i>				
2.2	<i>Chuyển đi tuyến trên (trong tỉnh)</i>	"			
3	Số lượt bệnh nhân điều trị nội trú	Lượt			
3.1	<i>Trong đó: - Có thể BHYT</i>	"			
3.2	<i>- YHCT hoặc YHCT kết hợp YHHĐ</i>	"			
3.3	<i>- Trẻ ≤ 15 tuổi</i>	"			
3.4	<i>- Người ≥ 60 tuổi</i>	"			
4	Số lượt bệnh nhân nội trú chuyển tuyến	Lượt			
4.1	<i>Trong đó: Chuyển đi ngoài tỉnh</i>				
4.2	<i>Chuyển đi tuyến trên (trong tỉnh)</i>	"			
5	Tổng số ngày điều trị của bệnh nhân nội trú	Ngày			
6	Số lượt bệnh nhân điều trị nội trú ra viện	Lượt			
6.1	<i>Số điều trị khỏi</i>	"			
6.2	<i>Số điều trị đỡ / giảm</i>	"			
6.3	<i>Số điều trị không thay đổi</i>	"			
6.4	<i>Số điều trị bị nặng hơn</i>	"			
6.5	<i>Số tử vong</i>	"			
6.6	<i>Tr.đó, Tử vong trong 24 giờ đầu nhập viện</i>	"			
7	Số lượt bệnh nhân điều trị ngoại trú	Lượt			
	<i>Trong đó: Có bệnh án ngoại trú</i>	"			
8	Tổng số ngày điều trị bệnh nhân ngoại trú	Ngày			
	<i>Trong đó: Có bệnh án ngoại trú</i>	"			
9	Tổng số xét nghiệm các loại	Lượt			
	<i>Trong đó: Cho bệnh nhân điều trị nội trú</i>	Lượt			
10	Tổng số chiếu, chụp X-quang	Lượt			
	<i>Trong đó: Cho bệnh nhân điều trị nội trú</i>	Lượt			
11	Tổng số chụp MRI/ CT-Scanner	Lượt			
	<i>Trong đó: Cho bệnh nhân điều trị nội trú</i>	Lượt			
12	Tổng số siêu âm	Lượt			
	<i>Trong đó: Cho bệnh nhân điều trị nội trú</i>	Lượt			
13	Tổng số điện tim, điện não	Lượt			
	<i>Trong đó: Cho bệnh nhân điều trị nội trú</i>	Lượt			

TT	Chỉ số hoạt động	ĐVT	Thực hiện trong kỳ	Lũy kế từ đầu năm	Lũy kế cùng kỳ năm trước
14	10 bệnh có số lượt người mắc nhiều nhất trong tổng số bệnh nhân điều trị nội trú	Mã ICD			
14.1					
14.2					
14.3					
14.4					
14.5					
14.6					
14.7					
14.8					
14.9					
14.10					
15	Nguyên nhân chính gây tử vong của bệnh nhân điều trị nội trú	Mã ICD			
15.1					
15.2					
15.3					
15.4					
15.5					
16	Tổng số tiền ghi thu sự nghiệp y tế	1000đ			
16.1	Ghi thu từ Ngân sách cấp	"			
16.2	Ghi thu DVYT từ Bảo hiểm y tế	"			
16.3	Ghi thu DVYT từ Viện phí trực tiếp	"			
16.4	Ghi thu từ các nguồn khác				
17	Tổng số tiền ghi chi sự nghiệp y tế	1000đ			
18	Chênh lệch Thu-Chi sự nghiệp y tế (16 - 17)	1000đ			
19	Tổng giá trị thuốc đã sử dụng	1000đ			
20	Tổng giá trị vắc xin, sinh phẩm, hóa chất, vật tư y tế tiêu hao đã sử dụng	1000đ			
21	Các hoạt động truyền thông, tư vấn; tập huấn, đào tạo liên tục do đơn vị tổ chức				
21.1	Số lần tổ chức truyền thông tư vấn	Lần			
	Số lượt người được truyền thông, tư vấn	Lượt			
21.2	Số lớp tập huấn, đào tạo liên tục	Lớp			
	Chuyên đề...(liệt kê từng chuyên đề)	Lớp			
	Số lượng học viên (theo từng chuyên đề)	Người			
22	Phân tích chi tiết mục 1 (Khám bệnh)				
22.1	Số lượt khám bệnh tại TTYT huyện, PKĐKKV	Lượt			
22.2	Số lượt khám bệnh tại các Trạm y tế	Lượt			
	- Có thẻ BHYT	"			
	- YHCT hoặc YHCT kết hợp YHHĐ	"			
	- Trẻ ≤ 15 tuổi	"			
	- Người ≥ 60 tuổi	"			
22.3	Số lượt khám bệnh tại từng Trạm y tế (liệt kê và ghi số liệu khám bệnh tại từng Trạm y tế)	Lượt			
	- Trạm y tế	"			
	- Trạm y tế	"			

TT	Chỉ số hoạt động	ĐVT	Thực hiện trong kỳ	Lũy kế từ đầu năm	Lũy kế cùng kỳ năm trước
	- Trạm y tế	"			
	- Trạm y tế	"			
	- Trạm y tế	"			
	- Trạm y tế	"			
	- Trạm y tế	"			

Thủ trưởng đơn vị

Ngày tháng năm 20...
 Người tổng hợp/báo cáo

BÁO CÁO SÔ LIỆU HOẠT ĐỘNG KHÁM CHỮA BỆNH THÁNG NĂM

- (*) Đơn vị thực hiện: **Bệnh viện Mắt Bình Định**
 (*) Chốt số liệu: **Từ ngày 15 tháng trước liền kề đến hết ngày 14 của tháng báo cáo**
 (*) Thời hạn gửi BC: **chậm nhất ngày 17 của tháng báo cáo**

TT	Chỉ số hoạt động	ĐVT	Thực hiện trong kỳ	Lũy kế từ đầu năm	Lũy kế cùng kỳ năm trước
1	Số lượt người khám bệnh tại Bệnh viện	Lượt			
1.1	Trong đó: - Có thẻ BHYT	"			
1.2	- YHCT hoặc YHCT kết hợp YHHĐ	"			
1.3	- Trẻ ≤ 15 tuổi	"			
1.4	- Người ≥ 60 tuổi	"			
2	Số lượt BN khám bệnh phải chuyển tuyến	Lượt			
2.1	Trong đó: Chuyển đi ngoài tỉnh				
2.2	Chuyển đi tuyến trên (trong tỉnh)	"			
3	Số lượt bệnh nhân điều trị nội trú	Lượt			
3.1	Trong đó: - Có thẻ BHYT	"			
3.2	- YHCT hoặc YHCT kết hợp YHHĐ	"			
3.3	- Trẻ ≤ 15 tuổi	"			
3.4	- Người ≥ 60 tuổi	"			
4	Số lượt bệnh nhân nội trú chuyển tuyến	Lượt			
4.1	Trong đó: Chuyển đi ngoài tỉnh				
4.2	Chuyển đi tuyến trên (trong tỉnh)	"			
5	Tổng số ngày điều trị của bệnh nhân nội trú	Ngày			
6	Số lượt bệnh nhân điều trị nội trú ra viện	Lượt			
6.1	Số điều trị khỏi	"			
6.2	Số điều trị đỡ / giảm	"			
6.3	Số điều trị không thay đổi	"			
6.4	Số điều trị bị nặng hơn	"			
6.5	Số tử vong	"			
6.6	Tr.đó, Tử vong trong 24 giờ đầu nhập viện	"			
7	Số lượt bệnh nhân điều trị ngoại trú	Lượt			
	Trong đó: Có bệnh án ngoại trú	"			
8	Tổng số ngày điều trị bệnh nhân ngoại trú	Ngày			
	Trong đó: Có bệnh án ngoại trú	"			
9	Tổng số xét nghiệm các loại	Lượt			
	Trong đó: Cho bệnh nhân điều trị nội trú	Lượt			
10	Tổng số chiếu, chụp X-quang	Lượt			
	Trong đó: Cho bệnh nhân điều trị nội trú	Lượt			
11	Tổng số chụp MRI/ CT-Scanner	Lượt			
	Trong đó: Cho bệnh nhân điều trị nội trú	Lượt			
12	Tổng số siêu âm	Lượt			
	Trong đó: Cho bệnh nhân điều trị nội trú	Lượt			
13	Tổng số điện tim, điện não	Lượt			
	Trong đó: Cho bệnh nhân điều trị nội trú	Lượt			

TT	Chỉ số hoạt động	ĐVT	Thực hiện trong kỳ	Lũy kế từ đầu năm	Lũy kế cùng kỳ năm trước
14	10 bệnh có số lượt người mắc nhiều nhất trong tổng số bệnh nhân điều trị nội trú	Mã ICD			
14.1					
14.2					
14.3					
14.4					
14.5					
14.6					
14.7					
14.8					
14.9					
14.10					
15	Nguyên nhân chính gây tử vong của bệnh nhân điều trị nội trú	Mã ICD			
15.1					
15.2					
15.3					
15.4					
15.5					
16	Tổng số tiền ghi thu sự nghiệp y tế	1000đ			
16.1	Ghi thu từ Ngân sách cấp	"			
16.2	Ghi thu DVYT từ Bảo hiểm y tế	"			
16.3	Ghi thu DVYT từ Viện phí trực tiếp	"			
16.4	Ghi thu từ các nguồn khác				
17	Tổng số tiền ghi chi sự nghiệp y tế	1000đ			
18	Chênh lệch Thu-Chi sự nghiệp y tế (16 - 17)	1000đ			
19	Tổng giá trị thuốc đã sử dụng	1000đ			
20	Tổng giá trị vắc xin, sinh phẩm, hóa chất, vật tư y tế tiêu hao đã sử dụng	1000đ			
21	Các hoạt động truyền thông, tư vấn; tập huấn, đào tạo liên tục; giám sát/ điều tra do đơn vị tổ chức				
21.1	Số lần tổ chức truyền thông tư vấn	Lần			
	Số lượt người được truyền thông, tư vấn	Lượt			
21.2	Số lớp tập huấn, đào tạo liên tục	Lớp			
	Chuyên đề... (liệt kê từng chuyên đề)	Lớp			
	Số lượng học viên (theo từng chuyên đề)	Người			
21.3	Số lượt giám sát, điều tra	Lượt			
	Tại tuyến tỉnh và huyện	Lượt			
	Tại tuyến xã và cộng đồng	Lượt			
22	Tổng số lượt khám chuyên khoa mắt toàn tỉnh (kể cả học đường)	Lượt			
23	Tổng số phẫu thuật về mắt toàn tỉnh	Lượt			
23.1	Tr.đó: - Phẫu thuật đục thủy tinh thể	"			
23.2	- Đặt thủy tinh thể nhân tạo	"			

TT	Chỉ số hoạt động	ĐVT	Thực hiện trong kỳ	Lũy kế từ đầu năm	Lũy kế cùng kỳ năm trước
23.3	- <i>Phẫu thuật quặm</i>	"			
23.4	- <i>Phẫu thuật Glaucoma</i>	"			

Thủ trưởng đơn vị

Ngày tháng năm 20...
Người tổng hợp/báo cáo

BÁO CÁO SÔ LIỆU HOẠT ĐỘNG KHÁM CHỮA BỆNH THÁNG NĂM

- (*) Đơn vị thực hiện: **Bệnh viện Lao và Bệnh phổi Bình Định**
 (*) Chốt số liệu: **Từ ngày 15 tháng trước liền kề đến hết ngày 14 của tháng báo cáo**
 (*) Thời hạn gửi BC: **chậm nhất ngày 17 của tháng báo cáo**

TT	Chỉ số hoạt động	DVT	Thực hiện trong kỳ	Lũy kế từ đầu năm	Lũy kế cùng kỳ năm trước
1	Số lượt người khám bệnh tại Bệnh viện	Lượt			
1.1	<i>Trong đó: - Có thể BHYT</i>	"			
1.2	<i>- YHCT hoặc YHCT kết hợp YHHĐ</i>	"			
1.3	<i>- Trẻ ≤ 15 tuổi</i>	"			
1.4	<i>- Người ≥ 60 tuổi</i>	"			
2	Số lượt BN khám bệnh phải chuyển tuyến	Lượt			
2.1	<i>Trong đó: Chuyển đi ngoài tỉnh</i>				
2.2	<i>Chuyển đi tuyến trên (trong tỉnh)</i>	"			
3	Số lượt bệnh nhân điều trị nội trú	Lượt			
3.1	<i>Trong đó: - Có thể BHYT</i>	"			
3.2	<i>- YHCT hoặc YHCT kết hợp YHHĐ</i>	"			
3.3	<i>- Trẻ ≤ 15 tuổi</i>	"			
3.4	<i>- Người ≥ 60 tuổi</i>	"			
4	Số lượt bệnh nhân nội trú chuyển tuyến	Lượt			
4.1	<i>Trong đó: Chuyển đi ngoài tỉnh</i>				
4.2	<i>Chuyển đi tuyến trên (trong tỉnh)</i>	"			
5	Tổng số ngày điều trị của bệnh nhân nội trú	Ngày			
6	Số lượt bệnh nhân điều trị nội trú ra viện	Lượt			
6.1	<i>Số điều trị khỏi</i>	"			
6.2	<i>Số điều trị đỡ / giảm</i>	"			
6.3	<i>Số điều trị không thay đổi</i>	"			
6.4	<i>Số điều trị bị nặng hơn</i>	"			
6.5	<i>Số tử vong</i>	"			
6.6	<i>Tr.đó, Tử vong trong 24 giờ đầu nhập viện</i>	"			
7	Số lượt bệnh nhân điều trị ngoại trú	Lượt			
	<i>Trong đó: Có bệnh án ngoại trú</i>	"			
8	Tổng số ngày điều trị bệnh nhân ngoại trú	Ngày			
	<i>Trong đó: Có bệnh án ngoại trú</i>	"			
9	Tổng số xét nghiệm các loại	Lượt			
	<i>Trong đó: Cho bệnh nhân điều trị nội trú</i>	Lượt			
10	Tổng số chiếu, chụp X-quang	Lượt			
	<i>Trong đó: Cho bệnh nhân điều trị nội trú</i>	Lượt			
11	Tổng số chụp MRI/ CT-Scanner	Lượt			
	<i>Trong đó: Cho bệnh nhân điều trị nội trú</i>	Lượt			
12	Tổng số siêu âm	Lượt			
	<i>Trong đó: Cho bệnh nhân điều trị nội trú</i>	Lượt			
13	Tổng số điện tim, điện não	Lượt			
	<i>Trong đó: Cho bệnh nhân điều trị nội trú</i>	Lượt			

TT	Chỉ số hoạt động	ĐVT	Thực hiện trong kỳ	Lũy kế từ đầu năm	Lũy kế cùng kỳ năm trước
14	10 bệnh có số lượt người mắc nhiều nhất trong tổng số bệnh nhân điều trị nội trú	Mã ICD			
14.1					
14.2					
14.3					
14.4					
14.5					
14.6					
14.7					
14.8					
14.9					
14.10					
15	Nguyên nhân chính gây tử vong của bệnh nhân điều trị nội trú	Mã ICD			
15.1					
15.2					
15.3					
15.4					
15.5					
16	Tổng số tiền ghi thu sự nghiệp y tế	1000đ			
16.1	Ghi thu từ Ngân sách cấp	"			
16.2	Ghi thu DVYT từ Bảo hiểm y tế	"			
16.3	Ghi thu DVYT từ Viện phí trực tiếp	"			
16.4	Ghi thu từ các nguồn khác				
17	Tổng số tiền ghi chi sự nghiệp y tế	1000đ			
18	Chênh lệch Thu-Chi sự nghiệp y tế (16 - 17)	1000đ			
19	Tổng giá trị thuốc đã sử dụng	1000đ			
20	Tổng giá trị vắc xin, sinh phẩm, hóa chất, vật tư y tế tiêu hao đã sử dụng	1000đ			
21	Các hoạt động truyền thông, tư vấn; tập huấn, đào tạo liên tục; giám sát/ điều tra do đơn vị tổ chức				
21.1	Số lần tổ chức truyền thông tư vấn	Lần			
	Số lượt người được truyền thông, tư vấn	Lượt			
21.2	Số lớp tập huấn, đào tạo liên tục	Lớp			
	Chuyên đề... (liệt kê từng chuyên đề)	Lớp			
	Số lượng học viên (theo từng chuyên đề)	Người			
21.3	Số lượt giám sát, điều tra	Lượt			
	Tại tuyến tỉnh và huyện	Lượt			
	Tại tuyến xã và cộng đồng	Lượt			
22	Tổng số khám chuyên khoa Lao toàn tỉnh (kể cả khám sàng lọc tại cộng đồng)	Lượt			
23	Tổng số bệnh nhân lao phát hiện toàn tỉnh	Người			
23.1	Số mắc Lao phổi AFB(+)	"			
	Trong đó: Lao phổi AFB(+) mới	"			
23.2	Số mắc Lao AFB(-)	"			

TT	Chỉ số hoạt động	ĐVT	Thực hiện trong kỳ	Lũy kế từ đầu năm	Lũy kế cùng kỳ năm trước
23.3	<i>Số mắc Lao ngoài phổi</i>	"			
24	Phân tích mục 23.1 chi tiết theo địa bàn	Người			
	- TP. Quy Nhơn	"			
	- H. Tuy Phước	"			
	- TX. An Nhơn	"			
	- H. Phù Cát	"			
	- H. Phù Mỹ	"			
	- TX. Hoài Nhơn	"			
	- H. Hoài Ân	"			
	- H. Tây Sơn	"			
	- H. Vân Canh	"			
	- H. An Lão	"			
	- H. Vĩnh Thạnh	"			
25	Số BN Lao quản lý điều trị theo địa bàn	Người			
	- TP. Quy Nhơn	"			
	- H. Tuy Phước	"			
	- TX. An Nhơn	"			
	- H. Phù Cát	"			
	- H. Phù Mỹ	"			
	- TX. Hoài Nhơn	"			
	- H. Hoài Ân	"			
	- H. Tây Sơn	"			
	- H. Vân Canh	"			
	- H. An Lão	"			
	- H. Vĩnh Thạnh	"			
26	Số BN điều trị khỏi lao phổi có bằng chứng vi khuẩn mới (DOTs) (<i>số liệu này báo theo quý</i>)	Người			

Thủ trưởng đơn vị

Ngày tháng năm 20...
Người tổng hợp/báo cáo

BÁO CÁO SÔ LIỆU HOẠT ĐỘNG KHÁM CHỮA BỆNH THÁNG NĂM(*) Đơn vị thực hiện: **Bệnh viện Tâm thần Bình Định**(*) Chốt số liệu: **Từ ngày 15 tháng trước liền kề đến hết ngày 14 của tháng báo cáo**(*) Thời hạn gửi BC: **chậm nhất ngày 17 của tháng báo cáo**

TT	Chỉ số hoạt động	ĐVT	Thực hiện trong kỳ	Lũy kế từ đầu năm	Lũy kế cùng kỳ năm trước
1	Số lượt người khám bệnh tại Bệnh viện	Lượt			
1.1	<i>Trong đó: - Có thể BHYT</i>	"			
1.2	<i>- YHCT hoặc YHCT kết hợp YHHĐ</i>	"			
1.3	<i>- Trẻ ≤ 15 tuổi</i>	"			
1.4	<i>- Người ≥ 60 tuổi</i>	"			
2	Số lượt BN khám bệnh phải chuyển tuyến	Lượt			
2.1	<i>Trong đó: Chuyển đi ngoài tỉnh</i>				
2.2	<i>Chuyển đi tuyến trên (trong tỉnh)</i>	"			
3	Số lượt bệnh nhân điều trị nội trú	Lượt			
3.1	<i>Trong đó: - Có thể BHYT</i>	"			
3.2	<i>- YHCT hoặc YHCT kết hợp YHHĐ</i>	"			
3.3	<i>- Trẻ ≤ 15 tuổi</i>	"			
3.4	<i>- Người ≥ 60 tuổi</i>	"			
4	Số lượt bệnh nhân nội trú chuyển tuyến	Lượt			
4.1	<i>Trong đó: Chuyển đi ngoài tỉnh</i>				
4.2	<i>Chuyển đi tuyến trên (trong tỉnh)</i>	"			
5	Tổng số ngày điều trị của bệnh nhân nội trú	Ngày			
6	Số lượt bệnh nhân điều trị nội trú ra viện	Lượt			
6.1	<i>Số điều trị khỏi</i>	"			
6.2	<i>Số điều trị đỡ / giảm</i>	"			
6.3	<i>Số điều trị không thay đổi</i>	"			
6.4	<i>Số điều trị bị nặng hơn</i>	"			
6.5	<i>Số tử vong</i>	"			
6.6	<i>Tr.đó, Tử vong trong 24 giờ đầu nhập viện</i>	"			
7	Số lượt bệnh nhân điều trị ngoại trú	Lượt			
	<i>Trong đó: Có bệnh án ngoại trú</i>	"			
8	Tổng số ngày điều trị bệnh nhân ngoại trú	Ngày			
	<i>Trong đó: Có bệnh án ngoại trú</i>	"			
9	Tổng số xét nghiệm các loại	Lượt			
	<i>Trong đó: Cho bệnh nhân điều trị nội trú</i>	Lượt			
10	Tổng số chiếu, chụp X-quang	Lượt			
	<i>Trong đó: Cho bệnh nhân điều trị nội trú</i>	Lượt			
11	Tổng số chụp MRI/ CT-Scanner	Lượt			
	<i>Trong đó: Cho bệnh nhân điều trị nội trú</i>	Lượt			
12	Tổng số siêu âm	Lượt			
	<i>Trong đó: Cho bệnh nhân điều trị nội trú</i>	Lượt			
13	Tổng số điện tim, điện não	Lượt			
	<i>Trong đó: Cho bệnh nhân điều trị nội trú</i>	Lượt			
14	05 bệnh có số lượt người mắc nhiều nhất trong tổng số bệnh nhân điều trị nội trú	Mã ICD			

TT	Chỉ số hoạt động	ĐVT	Thực hiện trong kỳ	Lũy kế từ đầu năm	Lũy kế cùng kỳ năm trước
14.1					
14.2					
14.3					
14.4					
14.5					
15	Nguyên nhân chính gây tử vong của bệnh nhân điều trị nội trú	Mã ICD			
15.1					
15.2					
16	Tổng số tiền ghi thu sự nghiệp y tế	1000đ			
16.1	Ghi thu từ Ngân sách cấp	"			
16.2	Ghi thu DVYT từ Bảo hiểm y tế	"			
16.3	Ghi thu DVYT từ Viện phí trực tiếp	"			
16.4	Ghi thu từ các nguồn khác				
17	Tổng số tiền ghi chi sự nghiệp y tế	1000đ			
18	Chênh lệch Thu-Chi sự nghiệp y tế (16 - 17)	1000đ			
19	Tổng giá trị thuốc đã sử dụng	1000đ			
20	Tổng giá trị vắc xin, sinh phẩm, hóa chất, vật tư y tế tiêu hao đã sử dụng	1000đ			
21	Các hoạt động truyền thông, tư vấn; tập huấn, đào tạo liên tục; giám sát/ điều tra do đơn vị tổ chức				
21.1	Số lần tổ chức truyền thông tư vấn	Lần			
	Số lượt người được truyền thông, tư vấn	Lượt			
21.2	Số lớp tập huấn, đào tạo liên tục	Lớp			
	Chuyên đề... (liệt kê từng chuyên đề)	Lớp			
	Số lượng học viên (theo từng chuyên đề)	Người			
21.3	Số lượt giám sát, điều tra	Lượt			
	Tại tuyến tỉnh và huyện	Lượt			
	Tại tuyến xã và cộng đồng	Lượt			
22	Tổng số khám CK Tâm thần toàn tỉnh (kể cả khám sàng lọc tại cộng đồng)	Lượt			
23	Tổng số BN Tâm thần phát hiện toàn tỉnh	Người			
23.1	Số mắc bệnh Tâm thần phân liệt	"			
23.2	Số mắc bệnh Động kinh	"			
23.3	Số mắc bệnh Trầm cảm	"			
23.4	Số mắc bệnh Tâm thần khác	"			
24	Phân tích mục 23.1 chi tiết theo địa bàn	Người			
	- TP. Quy Nhơn	"			
	- H. Tuy Phước	"			
	- TX. An Nhơn	"			
	- H. Phù Cát	"			
	- H. Phù Mỹ	"			
	- TX. Hoài Nhơn	"			
	- H. Hoài Ân	"			
	- H. Tây Sơn	"			
	- H. Vân Canh	"			

TT	Chỉ số hoạt động	ĐVT	Thực hiện trong kỳ	Lũy kế từ đầu năm	Lũy kế cùng kỳ năm trước
	- H. An Lão	"			
	- H. Vĩnh Thạnh	"			
25	Số BN Tâm thần quản lý điều trị theo địa bàn	Người			
	- TP. Quy Nhơn	"			
	- H. Tuy Phước	"			
	- TX. An Nhơn	"			
	- H. Phù Cát	"			
	- H. Phù Mỹ	"			
	- TX. Hoài Nhơn	"			
	- H. Hoài Ân	"			
	- H. Tây Sơn	"			
	- H. Vân Canh	"			
	- H. An Lão	"			
	- H. Vĩnh Thạnh	"			
26	Số bệnh nhân Tâm thần phân liệt được điều trị ổn định	Người			

Thủ trưởng đơn vị

Ngày tháng năm 20...
Người tổng hợp/báo cáo

BÁO CÁO SỐ LIỆU HOẠT ĐỘNG SỨC KHOẺ BÀ MẸ VÀ TRẺ EM
THÁNG NĂM

(*) Đơn vị thực hiện: **Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh**

(*) Chốt số liệu: **Từ ngày 01 đến ngày cuối cùng của tháng trước liền kề tháng báo cáo**

(*) Thời hạn gửi BC: **chậm nhất ngày 17 của tháng báo cáo**

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	Thực hiện trong kỳ	Lũy kế từ đầu năm	
				Năm nay	Năm trước
1	Tổng số phụ nữ có thai	Người			
	Trong đó: số vị thành niên có thai	"			
2	Tổng số lần khám thai	Lượt			
3	Tổng số phụ nữ đẻ	Người			
3.1	Trong đó: Số PN đẻ được quản lý thai	"			
3.2	Số PN đẻ được tiêm uốn ván đủ liều	"			
3.3	Số PN đẻ khám thai ≥ 4 lần trong 3 kỳ	"			
3.4	Số FX/GH	"			
3.5	Số mổ lấy thai	"			
3.6	Đẻ con thứ 3 trở lên	"			
3.7	Đẻ có cán bộ y tế đỡ	"			
3.8	Đẻ tại cơ sở y tế Nhà nước	"			
4	Số bà mẹ/trẻ sơ sinh được chăm sóc sau sinh	Người			
	Trong đó: được chăm sóc trong tuần đầu	"			
5	Tổng số mắc/chết do tai biến sản khoa				
5.1	Trong đó: Băng huyết	"			
5.2	Sản giật	"			
5.3	Uốn ván sơ sinh	"			
5.4	Vỡ tử cung	"			
5.5	Nhiễm khuẩn	"			
6	Tổng số tử vong mẹ	Người			
7	Tổng số lần khám phụ khoa	Lượt			
8	Tổng số lần chữa phụ khoa	Lượt			
9	Tổng số phá thai	Người			
9.1	Trong đó: thai ≤ 7 tuần	"			
9.2	thai > 7 tuần đến ≤ 12 tuần	"			
9.3	thai > 12 tuần	"			
10	Tai biến do nạo phá thai	T.hợp			
10.1	Số mắc	"			
10.2	Số chết	"			
11	Số trẻ đẻ sống	Trẻ			
	Trong đó: Nữ	"			
12	Chết thai nhi và chết trẻ em	T.hợp			
12.1	Tr.đó: - Thai nhi chết từ 22 tuần đến khi đẻ	"			
12.2	- Chết trẻ em ≤ 7 ngày tuổi	"			
12.3	- Chết sơ sinh > 7 ngày đến ≤ 28 ngày tuổi	"			

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	Thực hiện trong kỳ	Lũy kế từ đầu năm	
				Năm nay	Năm trước
13	Số trẻ sơ sinh được cân	Trẻ			
14	Tỷ lệ suy dinh dưỡng trẻ em < 5 tuổi (số liệu này báo cáo sau khi hoàn thành cân đo hàng năm) thể nhẹ cân	%			
14.1	Số trẻ em dưới 5 tuổi SDD cân nặng	Trẻ			
15	Tỷ lệ suy dinh dưỡng trẻ em < 5 tuổi (số liệu này báo cáo sau khi hoàn thành cân đo hàng năm) thể thấp còi	%			
15.1	Số trẻ em dưới 5 tuổi SDD chiều cao	Trẻ			
16	Tổng số trẻ em dưới 5 được cân đo (số liệu này báo cáo sau khi hoàn thành cân đo hàng năm)	Trẻ			
17	Phụ nữ 30-54 tuổi được sàng lọc ung thư cổ tử cung	Người			
18	Các hoạt động truyền thông, tư vấn; tập huấn, đào tạo liên tục; giám sát/ điều tra do đơn vị tổ chức				
18.1	Số lần tổ chức truyền thông tư vấn	Lần			
	Số lượt người được truyền thông, tư vấn	Lượt			
18.2	Số lớp tập huấn, đào tạo liên tục	Lớp			
	Chuyên đề...(liệt kê từng chuyên đề)	Lớp			
	Số lượng học viên (theo từng chuyên đề)	Người			
18.3	Số lượt giám sát, điều tra	Lượt			
	Tại tuyến tỉnh và huyện	Lượt			
	Tại tuyến xã và cộng đồng	Lượt			

Ngày tháng năm 20...

Thủ trưởng đơn vị

Người tổng hợp/báo cáo

BAO CÁO SỐ LIỆU HOẠT ĐỘNG PHÒNG, CHỐNG HIV/AIDS

THÁNG NĂM

(*) Đơn vị thực hiện: Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh

(*) Chốt số liệu: Từ ngày 15 tháng trước liền kề đến hết ngày 14 của tháng báo cáo

(*) Thời hạn gửi BC: chậm nhất ngày 17 của tháng báo cáo

TT	Chỉ số hoạt động	ĐVT	Thực hiện trong kỳ	Lũy kế từ đầu năm	Lũy kế cùng kỳ năm	Lũy kế từ 1993 đến nay
1	Số mẫu giám sát HIV	Mẫu				
2	Số lượt tư vấn tại Trung tâm	Lượt				
3	Số lượt xét nghiệm tự nguyện tại Trung tâm	Lượt				
4	Số phát hiện nhiễm HIV	Người				
4.1	- Trẻ em < 16 tuổi	"				
4.2	- Phụ nữ có thai	"				
4.3	- Đối tượng khác	"				
5	Số chuyển AIDS	Người				
5.1	- Trẻ em < 16 tuổi	"				
5.2	- Phụ nữ có thai	"				
5.3	- Đối tượng khác	"				
6	Số tử vong do AIDS	Người				
6.1	- Trẻ em < 16 tuổi	"				
6.2	- Phụ nữ có thai	"				
6.3	- Đối tượng khác	"				
7	Số bệnh nhân mới điều trị ARV	Người				
8	Số người nhiễm HIV được QTC	Người				
9	Tổng số mẫu máu được sàng lọc HIV	Mẫu				
10	Số cán bộ y tế bị phơi nhiễm HIV	Người				
11	Phụ nữ mang thai nhiễm HIV được điều trị đặc hiệu nhằm giảm nguy cơ lây truyền HIV từ mẹ sang con	Người				
12	Số người hiện nhiễm HIV/AIDS	Người				
13	Số tử vong HIV/AIDS	Người				
14	Số người nghiện ma túy được theo dõi, điều trị tại đơn vị	Người				
15	Các hoạt động truyền thông, tư vấn; tập huấn, đào tạo liên tục; giám sát/ điều tra do đơn vị tổ chức					
15.1	Số lần tổ chức truyền thông tư vấn	Lần				
	Số lượt người được truyền thông, tư vấn	Lượt				
15.2	Số lớp tập huấn, đào tạo liên tục	Lớp				
	Chuyên đề...(liệt kê từng chuyên đề)	Lớp				
	Số lượng học viên (theo từng chuyên đề)	Người				
15.3	Số lượt giám sát, điều tra	Lượt				
	Tại tuyến tỉnh và huyện	Lượt				
	Tại tuyến xã và cộng đồng	Lượt				
16	Phân tích chi tiết mục 4 theo địa bàn					

TT	Chỉ số hoạt động	ĐVT	Thực hiện trong kỳ	Lũy kế từ đầu năm	Lũy kế cùng kỳ năm	Lũy kế từ 1993 đến nay
	- TP. Quy Nhơn					
	- H. Tuy Phước					
	- TX. An Nhơn					
	- H. Phù Cát					
	- H. Phù Mỹ					
	- TX. Hoài Nhơn					
	- H. Hoài Ân					
	- H. Tây Sơn					
	- H. Vân Canh					
	- H. An Lão					
	- H. Vĩnh Thạnh					
17	Phân tích chi tiết mục 8 theo địa bàn					
	- TP. Quy Nhơn					
	- H. Tuy Phước					
	- TX. An Nhơn					
	- H. Phù Cát					
	- H. Phù Mỹ					
	- TX. Hoài Nhơn					
	- H. Hoài Ân					
	- H. Tây Sơn					
	- H. Vân Canh					
	- H. An Lão					
	- H. Vĩnh Thạnh					

Ngày tháng năm 20...

Thủ trưởng đơn vị

Người tổng hợp/báo cáo

Đơn vị: Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh

Mẫu C3.1

**BÁO CÁO KẾT QUẢ TIÊM CHỦNG CHO TRẺ EM
THÁNG ... NĂM ...**

- (*) Đơn vị thực hiện: Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh
(*) Chốt số liệu: Từ ngày 01 đến ngày cuối cùng của tháng trước liền kề tháng báo cáo
(*) Thời hạn gửi BC: chậm nhất ngày 17 của tháng báo cáo

TT	Địa phương	Số trẻ dưới 1 tuổi	Miễn dịch cơ bản													Số trẻ được BV phòng UVSS*	Số ca PU'STC		
			BCG	Viêm gan B sơ sinh		DPT-VGB-HiB			Bại liệt uống (bOPV)			IPV	Đủ mũi bại liệt	Sởi	TCĐĐ		Tỷ lệ TCĐĐ (%)	Nhẹ	Nghiêm trọng
				≤ 24 giờ	>24 giờ	1	2	3	1	2	3								
1	Quy Nhơn																		
2	Tuy Phước																		
3	Tây Sơn																		
4	An Nhơn																		
5	Phù Cát																		
6	Phù Mỹ																		
7	Hoài Nhơn																		
8	Hoài Ân																		
9	An Lão																		
10	Vĩnh Thạnh																		
11	Vân Canh																		
Tổng cộng																			

Thủ trưởng đơn vị

Ngày tháng năm 20...
Người tổng hợp/báo cáo

BÁO CÁO KẾT QUẢ TIÊM CHỦNG CHO TRẺ EM THÁNG ... NĂM ...

(*) Đơn vị thực hiện: Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh

(*) Chốt số liệu: Từ ngày 01 đến ngày cuối cùng của tháng trước liền kề tháng báo cáo

(*) Thời hạn gửi BC: chậm nhất ngày 17 của tháng báo cáo

TT	Địa phương	Tiêm VX Sởi-Rubella và DPT mũi 4					Vắc xin Viêm não Nhật bản							Số ca PU'STC	
		Trẻ 18 tháng	Sởi-Rubella	Tỷ lệ (%)	DPT	Tỷ lệ (%)	Số đối tượng	Tiêm mũi 1 và 2		Tỷ lệ (%)	Tiêm mũi 3		Tỷ lệ (%)	Nhẹ	Nghiêm trọng
								Mũi 1	Mũi 2		Số đối tượng	Mũi 3			
1	Quy Nhơn														
2	Tuy Phước														
3	Tây Sơn														
4	An Nhơn														
5	Phù Cát														
6	Phù Mỹ														
7	Hoài Nhơn														
8	Hoài Ân														
9	An Lão														
10	Vĩnh Thạnh														
11	Vân Canh														
Tổng cộng															

Ngày tháng năm 20...

Thủ trưởng đơn vị

Người tổng hợp/báo cáo

**BÁO CÁO SỐ LIỆU CÁC HOẠT ĐỘNG PHÒNG, CHỐNG MỘT SỐ BỆNH KHÔNG LÂY NHIỄM
THÁNG NĂM**

Đơn vị thực hiện: **Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh; BV Lao và Bệnh phổi; BVĐK tỉnh; TTYT huyện, thị**

(*) **xã, thành phố;**

(*) **Chốt số liệu: Từ ngày 01 đến ngày cuối cùng của tháng trước liền kề tháng báo cáo;**

(*) **Thời hạn gửi BC: Các đơn vị gửi báo cáo về Trung tâm Kiểm soát bệnh tật chậm nhất ngày 15 tháng báo cáo; Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tổng hợp, báo cáo Sở Y tế chậm nhất ngày 17 tháng báo cáo.**

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	Thực hiện trong kỳ	Lũy kế từ đầu năm		Lũy kế từ khi mới triển khai đến thời điểm báo cáo
				Năm nay	Năm trước	
I	Tăng huyết áp (THA)					
1	Số Trạm Y tế triển khai dự phòng, quản lý, điều trị THA	Trạm				
2	Số bệnh nhân phát hiện tăng huyết áp	Người				
3	Số bệnh nhân tăng huyết áp được quản lý, điều trị	Người				
3.1	Trong đó: BN được khám cấp thuốc hàng tháng	Người				
3.2	Bệnh nhân đạt huyết áp mục tiêu	Người				
4	Số người từ 18 tuổi trở lên mắc tăng huyết áp	Người				
5	Các hoạt động truyền thông, tư vấn; tập huấn, đào tạo liên tục; giám sát/ điều tra do đơn vị tổ chức					
5.1	Số lần tổ chức truyền thông tư vấn	Lần				
	Số lượt người được truyền thông, tư vấn	Lượt				
5.2	Số lớp tập huấn, đào tạo liên tục	Lớp				
	Chuyên đề...(liệt kê từng chuyên đề)	Lớp				
	Số lượng học viên (theo từng chuyên đề)	Người				
5.3	Số lượt giám sát, điều tra	Lượt				
	Tại tuyến tỉnh và huyện	Lượt				
	Tại tuyến xã và cộng đồng	Lượt				
II	Đái tháo đường	Người				
1	Số bệnh nhân phát hiện đái tháo đường	Người				
2	Số bệnh nhân đái tháo đường được quản lý, điều trị	Người				
2.1	Trong đó: Bệnh nhân được khám cấp thuốc	Người				
2.2	Bệnh nhân đạt chỉ số đường huyết mục tiêu	Người				
3	Số người từ 18 tuổi trở lên mắc đái tháo đường	Người				
4	Các hoạt động truyền thông, tư vấn; tập huấn, đào tạo liên tục; giám sát/ điều tra do đơn vị tổ chức					
4.1	Số lần tổ chức truyền thông tư vấn	Lần				
	Số lượt người được truyền thông, tư vấn	Lượt				
4.2	Số lớp tập huấn, đào tạo liên tục	Lớp				
	Chuyên đề...(liệt kê từng chuyên đề)	Lớp				
	Số lượng học viên (theo từng chuyên đề)	Người				
4.3	Số lượt giám sát, điều tra	Lượt				
	Tại tuyến tỉnh và huyện	Lượt				
	Tại tuyến xã và cộng đồng	Lượt				
III	Ung thư	Người				
1	Số bệnh nhân phát hiện/ghi nhận ung thư	Người				
	Trong đó: Bệnh nhân phát hiện/ghi nhận mới	Người				
2	Số bệnh nhân Ung thư đang được quản lý, điều trị	Người				
2.1	Trong đó: Bệnh nhân khám cấp thuốc	Người				
2.2	Bệnh nhân điều trị đạt hiệu quả	Người				
3	Số bệnh nhân được hỗ trợ, chăm sóc giảm nhẹ tại cơ sở y tế	Người				
4	Các hoạt động truyền thông, tư vấn; tập huấn, đào tạo liên tục; giám sát/ điều tra do đơn vị tổ chức					
4.1	Số lần tổ chức truyền thông tư vấn	Lần				
	Số lượt người được truyền thông, tư vấn	Lượt				

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	Thực hiện trong kỳ	Lũy kế từ đầu năm		Lũy kế từ khi mới triển khai đến thời điểm báo cáo
				Năm nay	Năm trước	
4.2	Số lớp tập huấn, đào tạo liên tục	Lớp				
	Chuyên đề...(liệt kê từng chuyên đề)	Lớp				
	Số lượng học viên (theo từng chuyên đề)	Người				
4.3	Số lượt giám sát, điều tra	Lượt				
	Tại tuyến tỉnh và huyện	Lượt				
	Tại tuyến xã và cộng đồng	Lượt				
IV	Bệnh phổi tắc nghẽn mãn tính và hen phế quản	Người				
1	Số bệnh nhân phát hiện	Người				
	Trong đó: Bệnh nhân mới	Người				
2	Số bệnh nhân đang được quản lý, điều trị	Người				
2.1	Trong đó: Bệnh nhân khám cấp thuốc	Người				
2.2	Bệnh nhân điều trị đạt hiệu quả	Người				
3	Các hoạt động truyền thông, tư vấn; tập huấn, đào tạo liên tục; giám sát/ điều tra do đơn vị tổ chức					
3.1	Số lần tổ chức truyền thông tư vấn	Lần				
	Số lượt người được truyền thông, tư vấn	Lượt				
3.2	Số lớp tập huấn, đào tạo liên tục	Lớp				
	Chuyên đề...(liệt kê từng chuyên đề)	Lớp				
	Số lượng học viên (theo từng chuyên đề)	Người				
3.3	Số lượt giám sát, điều tra	Lượt				
	Tại tuyến tỉnh và huyện	Lượt				
	Tại tuyến xã và cộng đồng	Lượt				

Ngày tháng năm 20...

Thủ trưởng đơn vị

Người tổng hợp/báo cáo

BÁO CÁO SỐ LIỆU CÁC HOẠT ĐỘNG DỰ PHÒNG KHÁC
THÁNG NĂM

- (*) Đơn vị thực hiện: **Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh;**
 (*) Chốt số liệu: **Từ ngày 15 tháng trước liền kề đến hết ngày 14 của tháng báo cáo;**
 (*) Thời hạn gửi BC: **chậm nhất ngày 17 của tháng báo cáo.**

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	Thực hiện trong kỳ	Lũy kế từ đầu năm	
				Năm nay	Năm trước
1	Số mắc sốt rét	Người			
	Trong đó: Số tử vong do sốt rét	Người			
2	Số mắc sốt xuất huyết (tính trên dân số)	Người			
	Trong đó: Số tử vong sốt xuất huyết	Người			
3	Số mắc tay chân miệng	Người			
	Trong đó: Số tử vong tay chân miệng	Người			
4	Tỷ lệ hộ gia đình có nhà tiêu hợp vệ sinh	%			
4.1	Trong đó: Tổng số hộ gia đình	Hộ			
4.2	Số HGD có nhà tiêu hợp vệ sinh	Hộ			
5	Tỷ lệ HGD sử dụng nguồn nước sinh hoạt hợp vệ sinh	%			
5.1	Trong đó: Tổng số hộ gia đình	Hộ			
5.2	Số HGD sử dụng nguồn nước sinh hoạt hợp vệ sinh	Hộ			
6	Số mắc bệnh truyền nhiễm gây dịch	Người			
7	Số tử vong bệnh truyền nhiễm gây dịch	Người			
8	Số mắc tai nạn thương tích tại cơ sở y tế	Người			
9	Số tử vong do tai nạn thương tích	Người			
10	Số hiện mắc bệnh nghề nghiệp	Người			

Ngày tháng năm 20...

Thủ trưởng đơn vị

Người tổng hợp/báo cáo

BÁO CÁO SỐ LIỆU THÁNGNĂM 20...(*) Đơn vị thực hiện: **Chi cục Dân số - KHHGD**(*) Chốt số liệu: **Từ ngày 01 đến ngày cuối cùng của tháng trước liền kề tháng báo cáo;**(*) Thời hạn gửi BC: **chậm nhất ngày 17 của tháng báo cáo.**

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	Thực hiện trong kỳ	Lũy kế từ đầu năm	
				Năm nay	Năm trước
1	Số phụ nữ đẻ	Người			
2	Số trẻ sinh ra	Người			
2.1	Trong đó: - Trẻ giới tính Nữ	Người			
2.2	- Trẻ là con thứ 3 trở lên	Người			
3	Số chết	Người			
	<i>Trong đó: Nữ</i>	<i>Người</i>			
4	Số chết dưới 1 tuổi	Người			
	<i>Trong đó: Nữ</i>	<i>Người</i>			
5	Số chết dưới 5 tuổi	Người			
	<i>Trong đó: Nữ</i>	<i>Người</i>			
6	Số người mới thực hiện BPTT, trong đó	Người			
6.1	Đặt dụng cụ tử cung	Người			
6.2	Thuốc viên	Người			
6.3	Thuốc tiêm	Người			
6.4	Bao cao su	Người			
6.5	Triệt sản	Người			
7	Tỷ lệ phụ nữ mang thai được sàng lọc trước sinh	%			
7.1	Tổng số phụ nữ mang thai	Người			
7.2	Số phụ nữ mang thai được sàng lọc trước sinh	Người			
8	Trẻ sơ sinh được sàng lọc	Trẻ			
9	Tỷ số giới tính khi sinh (số bé trai tính trên 100 bé gái) (số liệu này báo cáo theo năm)	nam/100 nữ			
10	Ước tính số con trung bình của 01 phụ nữ trong độ tuổi sinh đẻ (số liệu này báo cáo theo năm)	con			
11	Các hoạt động truyền thông, tư vấn; tập huấn, đào tạo liên tục; giám sát/ điều tra do đơn vị tổ chức				
11.1	Số lần tổ chức truyền thông tư vấn	Lần			
	Số lượt người được truyền thông, tư vấn	Lượt			
11.2	Số lớp tập huấn, đào tạo liên tục	Lớp			
	Chuyên đề...(liệt kê từng chuyên đề)	Lớp			
	Số lượng học viên (theo từng chuyên đề)	Người			
11.3	Số lượt giám sát, điều tra	Lượt			
	Tại tuyến tỉnh và huyện	Lượt			
	Tại tuyến xã và cộng đồng	Lượt			

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	Thực hiện trong kỳ	Lũy kế từ đầu năm	
				Năm nay	Năm trước
12	Phân tích chi tiết mục 2 theo địa bàn				
	- TP. Quy Nhơn				
	- H. Tuy Phước				
	- TX. An Nhơn				
	- H. Phù Cát				
	- H. Phù Mỹ				
	- TX. Hoài Nhơn				
	- H. Hoài Ân				
	- H. Tây Sơn				
	- H. Vân Canh				
	- H. An Lão				
	- H. Vĩnh Thạnh				
13	Phân tích chi tiết mục 2.2 theo địa bàn				
	- TP. Quy Nhơn				
	- H. Tuy Phước				
	- TX. An Nhơn				
	- H. Phù Cát				
	- H. Phù Mỹ				
	- TX. Hoài Nhơn				
	- H. Hoài Ân				
	- H. Tây Sơn				
	- H. Vân Canh				
	- H. An Lão				
	- H. Vĩnh Thạnh				

Ngày tháng năm 20...

Thủ trưởng đơn vị

Người tổng hợp/báo cáo

BÁO CÁO SỐ LIỆU THÁNG ...NĂM 20...(*) Đơn vị thực hiện: **Chi cục An toàn vệ sinh thực phẩm**(*) Chốt số liệu: **Từ ngày 15 tháng trước liền kề đến hết ngày 14 của tháng báo cáo;**(*) Thời hạn gửi BC: **chậm nhất ngày 17 của tháng báo cáo.**

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	Thực hiện trong kỳ	Lũy kế từ đầu năm	
				Năm nay	Năm trước
1	Tổng số cơ sở quản lý	Cơ sở			
1.1	Trong đó: + Tỉnh	Cơ sở			
1.2	+ Huyện	Cơ sở			
1.3	+ Xã	Cơ sở			
2	Số cơ sở được kiểm tra	Cơ sở			
2.1	Trong đó: + Đạt tiêu chuẩn ATTP	Cơ sở			
2.2	+ Tỷ lệ đạt	%			
2.3	+ Tỉnh	Cơ sở			
2.4	+ Huyện	Cơ sở			
2.5	+ Xã	Cơ sở			
3	Tổng số cơ sở vi phạm	Cơ sở			
3.1	Số cơ sở bị xử phạt	Cơ sở			
3.2	Số tiền phạt	Ngàn đồng			
4	Tổng số cơ sở được cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện ATTP	ĐVT			
4.1	Trong đó: + Tỉnh	Cơ sở			
	Tỷ lệ	%			
4.2	+ Huyện	Cơ sở			
	Tỷ lệ	%			
5	Số vụ ngộ độc	ĐVT			
5.1	Trong đó: + Ngộ độc thực phẩm	Người			
5.2	+ Ngộ độc tập thể (>30 người)	Vụ			
5.3	+ Ngộ độc lẻ tẻ	Người			
6	Tử vong do ngộ độc	Người			
6.1	Trong đó: Do ngộ độc thực phẩm	Người			
7	Số cơ sở được giám sát ATTP	Cơ sở			
7.1	Tại tuyến tỉnh	Cơ sở			
7.2	Tại tuyến huyện	Cơ sở			
7.3	Tại tuyến xã	Cơ sở			
8	Số lượt thực hiện truyền thông, tư vấn	Lượt			
8.1	Hình thức trực tiếp (Lễ phát động, nói chuyện, hội nghị, hội thảo, tư vấn ...)	Lượt			
		Người			
8.1.1	Tuyến tỉnh	Lượt			
		Người			
8.1.2	Tuyến huyện	Lượt			
		Người			
8.1.3	Tuyến xã	Lượt			
		Người			
8.2	Hình thức gián tiếp	Lượt			
8.2.1	Tổng số phát thanh, truyền hình. Trong đó	Lượt			
a	Tỉnh	Lượt			
b	Huyện	Lượt			

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	Thực hiện trong kỳ	Lũy kế từ đầu năm	
				Năm nay	Năm trước
c	Xã (phát thanh)	Lượt			
8.2.2	Tổng băng rôn, pa nô, tờ rơi, áp phích,...	Cái			
c	Tỉnh	Cái			
b	Huyện	Cái			
c	Xã	Cái			

*** Số liệu phân chia theo địa bàn trong kỳ báo cáo**

STT	Địa bàn	Số cơ sở kiểm tra		Số vụ ngộ độc	
		Thực hiện	Lũy kế từ đầu năm		Lũy kế từ đầu năm
			Năm nay	Năm trước	
1	Quy Nhơn				
3	An Nhơn				
4	Phù Cát				
5	Phù Mỹ				
6	Hoài Ân				
7	Hoài Nhơn				
8	Tây Sơn				
9	Vân Canh				
10	An Lão				
11	Vĩnh Thạnh				
12	Khác				
Tổng cộng					

Ngày tháng năm 20...

Thủ trưởng đơn vị

Người tổng hợp/báo cáo

BÁO CÁO SỐ LIỆU CÁC HOẠT ĐỘNG THÁNG ... NĂM ...

- (*) Đơn vị thực hiện: **Trung tâm Kiểm nghiệm Dược phẩm - Mỹ phẩm**
- (*) Chốt số liệu: **Từ ngày 15 tháng trước liền kề đến hết ngày 14 của tháng báo cáo;**
- (*) Thời hạn gửi BC: **chậm nhất ngày 17 của tháng báo cáo.**

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	Thực hiện trong kỳ	Lũy kế từ đầu năm	
				Năm nay	Năm trước
1	Tổng số cơ sở lấy và gửi mẫu	Cơ sở			
1.1	Số cơ sở kiểm tra lần đầu	Cơ sở			
1.2	Cơ sở khám bệnh, chữa bệnh	Cơ sở			
1.3	Cơ sở bán buôn thuốc	Cơ sở			
1.4	Cơ sở bán lẻ thuốc	Cơ sở			
2	Tổng số mẫu lấy và mẫu gửi	mẫu			
2.1	Số mẫu lấy	Mẫu			
2.2	Số mẫu gửi	Mẫu			
2.3	Dược liệu, thuốc cổ truyền	Mẫu			
2.4	Thuốc hóa dược	Mẫu			
2.5	Mỹ phẩm	Mẫu			
3	Tổng số mẫu đã kiểm nghiệm	Mẫu			
3.1	Số mẫu đạt chất lượng	Mẫu			
3.2	Số mẫu không đạt chất lượng	Mẫu			
3.3	Thuốc giả	Mẫu			

Ngày tháng năm 20...

Thủ trưởng đơn vị

Người tổng hợp/báo cáo

BÁO CÁO SỐ LIỆU HOẠT ĐỘNG THÁNG ...NĂM 20..

- (*) Đơn vị thực hiện: Trung tâm Giám định Y khoa
- (*) Chốt số liệu: Từ ngày 15 tháng trước liền kề đến hết ngày 14 của tháng báo cáo;
- (*) Thời hạn gửi BC: chậm nhất ngày 17 của tháng báo cáo.

STT	Đối tượng	Tổng số lượt khám			Tổng số đối tượng được kết luận			Số đối tượng chuyển lên tuyến Trung ương		Tỷ lệ % số đối tượng được kết luận so với số lượt khám trong kỳ
		Thực hiện trong tháng	Lũy kế năm nay	Cùng kỳ năm trước	Kết luận trong tháng	Lũy kế năm nay	Cùng kỳ năm trước	Vượt khả năng chuyên môn	Khiếu nại	
1	Khám, giám định									
1.1	Thương binh									
1.2	Bệnh binh									
1.3	Người bị ảnh hưởng CDHH/dioxin									
1.4	Bệnh nghề nghiệp									
1.5	Tai nạn lao động									
1.6	Giám định tổng hợp									
1.7	Hưu trí									
1.8	BHXX 1 lần									
1.9	Hưởng trợ cấp tuất									
1.10	Khuyết tật theo yêu cầu									
1.11	Đối tượng khác									
2	Khám khác									
	Tổng số									

Thủ trưởng đơn vị

Ngày tháng năm 20...
Người tổng hợp/báo cáo

BÁO CÁO SỐ LIỆU HOẠT ĐỘNG THÁNG ...NĂM 20...

- (*) Đơn vị thực hiện: Trung tâm Pháp Y
- (*) Chốt số liệu: Từ ngày 15 tháng trước liền kề đến hết ngày 14 của tháng báo cáo;
- (*) Thời hạn gửi BC: chậm nhất ngày 17 của tháng báo cáo.

STT	Đối tượng	Tổng số hồ sơ tiếp nhận			Tổng số hồ sơ kết luận			Tỷ lệ % hồ sơ kết luận so với tiếp nhận trong kỳ
		Trong tháng	Luỹ kế năm nay	Cùng kỳ năm trước	Kết luận trong tháng	Luỹ kế năm nay	Cùng kỳ năm trước	
1	Giám định Pháp Y							
1.1	Giám định tử thi							
1.2	Giám định thương tích							
1.3	Giám định tình dục							
1.4	Giám định mô							
2	Giám định khác							
	Tổng số							

Thủ trưởng đơn vị

Ngày tháng năm 20...
Người tổng hợp/báo cáo